

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng;
Bà Nguyễn Xuân Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 4, xã C, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: anh Trịnh Thanh H1, sinh năm 1985; địa chỉ: khu phố 4, xã C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17-02-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:*

Chị và anh Trịnh Thanh H1 tự nguyện chung sống từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại xã C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H1 có quan hệ với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hoà, không còn hạnh phúc. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2023 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: chị và anh H1 có 02 con chung: Trịnh Hoàng Hải Nam, sinh ngày 19-9-2009 và Trịnh Đăng Khoa, sinh ngày 08-5-2015. Chị yêu cầu được nuôi các con, yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng, mỗi con 3.000.000 đồng

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Trịnh Thanh H1 đã được Toà án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh H1 như thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng anh H1 không đến Toà án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên toà dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên toà.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56 và 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh H1. Về con chung: giao chị H chăm sóc, nuôi dưỡng các con và buộc anh H1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh Trịnh Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H1 chung sống có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài nhưng không giải quyết được. Quá trình giải quyết vụ án, chị H cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H1. Anh H1 đã được triệu tập đến Toà án để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H nhưng anh H1 không đến. Xét thấy, hôn nhân của anh H1 và chị H không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị H đối với anh Trịnh Thanh H1.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung: Trịnh Hoàng Hải Nam, sinh ngày 19-9-2009 và Trịnh Đăng Khoa, sinh ngày 08-5-2015. Chị H có yêu cầu nuôi các con và các con của anh, chị cũng có nguyện vọng sống với chị H. Do đó, giao chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nam và cháu Khoa. Anh H1 không trực tiếp nuôi con nên anh H1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; để đảm bảo cho các con anh chị được nuôi dưỡng và phát triển bình thường nên việc chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng, mỗi con 3.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: chị H không yêu cầu giải quyết; nợ chung: chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ.

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Hải phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H đối với anh Trịnh Thanh H1. Chị Hoàng Thị H và anh Trịnh Thanh H1 được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Giao chị Hoàng Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con: Trịnh Hoàng Hải Nam, sinh ngày 19-9-2009 và Trịnh Đăng Khoa, sinh ngày 08-5-2015.

2.2. Buộc anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng, mỗi con 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày 07-8-2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày 07-8-2025, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Anh H1 được quyền thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí:

3.1. Chị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010445 ngày 25-02-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp đủ án phí.

3.2. Anh H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chị H và anh H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- CCTHA khu vực 10 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu;

Nguyễn Thị An Tiên